TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 19/12/2017
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung và tài sản chung khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Đinh Chí Tâm

Bà Nguyễn Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Diễm Hương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Lê T Biên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11,19 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2017/TLPT-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung và tài sản chung khi ly hôn".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 38/2017/HNGĐ–ST ngày 14 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 306/2017/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngô Ngọc Đ, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: số 208, ấp A, xã D, huyện V, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Nguyễn Minh T, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: số 290A, ấp N, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1955;

Địa chỉ: số 290A, ấp N, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

3. Người kháng cáo là chị Ngô Ngọc Đ là nguyên đơn của vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Ngô Ngọc Đ trình bày: Chị Ngô Ngọc Đ và anh Nguyễn Minh T kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/4/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm sống, anh T lại có tính gia trưởng, chị Đ và anh T đã ly thân từ ngày 19/01/2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Chị Đ và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/11/2015, hiện đang sống với chị Đ, khi ly hôn chị Đ yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là ½ tháng lương tối thiểu theo quy định của pháp luật cho đến khi Nguyễn Ngọc H đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Vàng cưới gồm có 13 chỉ vàng 24k (9999) và 03 chỉ vàng 18k (07 tuổi), tất cả số vàng trên hiện anh T đang quản lý; số vàng trên khi còn sống chung đã bán 05 chỉ vàng 24k (9999) để làm chi phí sinh hoạt trong lúc vợ chồng không có thu nhập; ngoài ra, sau khi cưới vợ chồng đã bán 2,5 chỉ vàng 24k (vàng do người thân tặng trong ngày cưới) để đưa cho mẹ chồng là bà P mua 01 tủ áo trị giá 9.500.000đồng, mẹ chồng bà Lê Thị P đi mua và trả tiền, hiện do anh T quản lý; trong thời gian sống chung vợ chồng có nuôi 10 con heo, heo giống lúc đầu mua thiếu của bà P để nuôi khi nào bán heo thì trả tiền con giống cho bà P, nuôi được khoảng gần 03 tháng thì chị Đ sinh con nên heo do mẹ chồng là Lê Thị P chăm sóc và bán heo được 35.200.000đồng (tiền bán heo nghe anh T nói lại chứ chị Đ không biết). Nay chị Đ yêu cầu chia đôi 08 chỉ vàng 24k (9999) và 03 chỉ vàng 18k mà anh T đang quản lý và chia đôi giá trị tủ áo (chị Đ yêu cầu được nhận bằng giá trị là 4.750.000đồng). Trước khi sinh vợ chồng đã tích lũy từ việc sửa xe được 20.000.000đ để làm chi phí sinh con. Tiền chi phí nuôi heo và tiền tích lũy là

từ việc sửa xe của T, thu nhập từ sửa xe của anh T mỗi ngày từ 03 đến 04 triệu đồng, có ngày cũng vài trăm ngàn.

Trong thời gian sống ly thân với anh T thì chị Đ phải chăm sóc con nhỏ và vì con sinh non nên phải đi tái khám thường xuyên theo chỉ định của bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 19/01/2016 đến nay số tiền chi phí thuốc men là 27.445.144 đồng (có chứng từ kèm theo) chị Đ yêu cầu anh T phải chịu ½ chi phí trị bệnh cho con.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Minh T trình bày: Anh và chị Đ kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 21/4/2015. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không còn phù hợp, bất đồng quan điểm sống; chị Đ và anh ly thân từ ngày 19/01/2016 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh T đồng ý ly hôn với chị Đ.

Về nuôi con chung: Anh và chị Đ có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/11/2015, hiện đang sống với chị Đ, khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị Đ tiếp tục trực tiếp nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là ½ tháng lương tối thiểu theo định của pháp luật cho đến khi Nguyễn Ngọc H đủ 18 tuổi, tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Gồm 13 chỉ vàng 24k (9999) và 03 chỉ vàng 18k, số vàng trên trong quá trình sống chung vợ chồng đã bán 05 chỉ vàng 24 (9999) tiêu xài lúc vợ chồng không có thu nhập, còn lại 08 chỉ vàng 24k (9999) và 03 chỉ vàng 18k anh T quản lý nhưng đã bán hết để làm chi phí nuôi con tên H do sinh non (khi sinh bé nặng 900g) ở Bệnh viện Nhi Đồng (Thành phố Hồ Chí Minh) 02 tháng 20 ngày, hiện nay không còn. Việc chị Đ trình bày là trước khi sinh con vợ chồng có tích lũy từ việc sửa xe của anh T được 20.000.000 đồng là không có vì vợ chồng sau khi cưới nhau không có làm gì để có thu nhập, tiệm sửa xe nhỏ ở quê nên sửa xe có ngày thu nhập được vài chục ngàn có ngày không có, anh thì bị bệnh nên thường xuyên đóng cửa tiệm, hơn nữa do chị Đ sinh non nên không có chuẩn bị trước. Tủ áo là của bà Lê Thị P mẹ của anh T mua cho vợ chồng anh chị để đồ sau khi cưới do bà P trả tiền nên anh T

có hứa khi nào có tiền thì trả lại cho bà P 9.500.000 đồng, đến nay chưa đưa tiền tủ áo cho bà P nên tủ áo này là của bà P không phải của vợ chồng anh chị. Sau khi cưới một thời gian vợ chồng có nuôi 09 con heo con, con giống mua thiếu của bà P mỗi con là 1.000.000đ, trong quá trình nuôi thì mua tấm, thức ăn cho heo ăn đều mua thiếu, vợ chồng anh chị chăm sóc heo một thời gian thì chị sinh con (sinh non) thì bà P tiếp tục chăm sóc khoản gần 03 tháng và bán được 32.500.000đồng, trừ tiền con giống 9.000.000 đồng, trừ tiền mua tấm thiếu là 16.500.000đồng và tiền mua thức ăn thiếu là 9.000.000 đồng, tổng cộng chi phí phải trả khi bán heo là 34.500.000 đồng bị lỗ vốn vì heo không có giá, heo bán cho những người mua dạo nên không biết họ tên, địa chỉ. Hiện tất cả các tài sản trên không còn nên anh T không đồng ý chia đôi theo yêu cầu của chị Đ. Anh T đồng ý chia đôi tiền chi phí đưa con đi tái khám gồm tiền thuốc, tiền xe, tiền sữa cho con ở Bệnh viện Nhi Đồng thành phố Hồ Chí Minh.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, trong biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Thị P trình bày: Bà P là mẹ ruột của T, là mẹ chồng của Đ, trong quá trình sống chung bà có mua 01 tủ áo trị giá 9.500.000 đồng để vợ chồng anh chị để đồ vì khi cưới vợ chồng không có tủ, T có nói khi nào có tiền thì trả lại nhưng đến nay chưa trả tiền cho bà P nên tủ áo là của bà P chứ không phải của vợ chồng Đ và T. Ngoài ra khi vợ chồng Đ và T sống chung có nuôi 09 con heo, con giống mua thiếu của bà P số tiền 9.000.000 đồng, khi nào bán heo thì trả tiền cho bà P, sau khi nuôi heo được khoảng gần 02 tháng thì Đ sinh con (sinh non) thì bà P tiếp tục chăm sóc heo và bán dùm cho vợ chồng Đ và T được số tiền 32.500.000đồng, sau khi bán heo bà P đưa tiền cho T trả tiền thức ăn, tiền mua tấm cám và tiền heo giống cho bà P thì lỗ vốn và công chăm sóc, vì bà P bán heo cho lái mua dạo nên không biết người mua heo ở đâu. Nay bà P không đồng ý việc chị Đ yêu cầu chia đôi giá trị tủ áo vì tủ áo là của bà P. Việc nuôi heo và tiền bán heo do vợ chồng Đ - T tự giải quyết vì bà P chỉ ra công chăm sóc và bán dùm, bà P không có ý kiến gì.

Tại quyết định bản án sơ thẩm số 38/2017/HNGĐ - ST, ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã tuyên xử:

- Về tình cảm hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Ngọc Đ với anh Nguyễn Minh T.

- Về nuôi con chung: Chị Ngô Ngọc Đ được tiếp tục trực tiếp nuôi con tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/11/2015, anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Ngọc H mỗi tháng bằng ½ tháng lương tối thiểu do Nhà nước quy định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2017 đến khi Nguyễn Ngọc H đủ 18 tuổi tự lao động sinh sống được.

Chị Đ và các T viên trong gia đình chị Đ không được cản trở anh T thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về tài sản chung:

+ Không chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Ngọc Đ về việc yêu cầu chia đôi 08 chỉ vàng 24k (9999), 03 chỉ vàng 18k; 35.200.000 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm ngàn) tiền bán heo và ½ giá trị tủ áo.

+ Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Minh T về việc chịu ½ chi phí tái khám, tiền tàu xe (tại bệnh viện Nhi đồng T phố Hồ Chí Minh) tiền mua sữa cho con chung tên Nguyễn Ngọc H là 13.722.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng).

- Về nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí: Chị Ngô Ngọc Đ phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình và 237.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, tiền án phí của chị Đ được khấu trừ vào 1.716.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (ngày 13/10/2016 là 1.256.000đ theo biên lai thu số 11494) và ngày 15/11/2016 là 460.000đ theo biên lai thu số 08823) của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, chị Ngô Ngọc Đ được nhận lại 1.179.000 đồng.

Anh Nguyễn Minh T phải nộp 300.000đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 686.000đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự. Tổng cộng tiền án phí anh T phải nộp là 986.000đồng (Chín trăm tám mươi sáu ngàn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/7/2017, chị Ngô Thị Đ kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị Ngô Ngọc Đ rút yêu cầu kháng cáo đối với số tiền bán heo là 35.200.000 đồng và ½ giá trị tủ áo, chị chỉ kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét phần vàng cưới của vợ chồng hiện anh Nguyễn Minh T đang quản lý là 08 chỉ vàng 24K (vàng 9999) và 03 chỉ vàng 18K mà tòa sơ thẩm nhận định là anh đã bán hết để nuôi con chung ở Bệnh viện Nhi Đồng Thành phố Hồ Chí Minh là không đúng vì quá trình sinh con không phải tốn tiền viện phí; còn chi phí đi lại thì anh T có lên nuôi và cũng có gia đình chị nuôi. Việc anh T nói bán số vàng trên là không có nên nay chị yêu cầu chia đôi số vàng cưới trên. Anh T có trách nhiệm giao cho chị 04 chỉ vàng 24k (vàng 9999) và 1,5 chỉ vàng 18k. Các phần khác chị Đ thống nhất theo bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: xét thấy tại phiên tòa chị Đ rút kháng cáo đối với số tiền bán heo là 35.200.000 đồng và ½ giá trị tủ áo, chỉ kháng cáo yêu cầu chia đôi số vàng cưới hiện anh T đang quản lý là 08 chỉ vàng 24K (vàng 9999) và 03 chỉ vàng 18k. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của chị Đ đối với số tiền bán heo và ½ giá trị tủ áo; đối với yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Ngọc Đ về chia đôi 08 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận và sửa bản án sơ thẩm phần này.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm, chị Đ đã rút kháng cáo đối với yêu cầu chia ½ giá trị tủ áo trị giá 9.500.000 đồng và tiền bán heo 32.500.000 đồng; việc rút kháng cáo này là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu chia ½ giá trị tủ áo trị giá 9.500.000 đồng và tiền bán heo 32.500.000 đồng của chị Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 284 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của chị Đ về việc yêu cầu chia đôi số vàng cưới gồm 08 chỉ vàng 24k (vàng 9999) và 03 chỉ vàng 18k mà chị cho rằng hiện anh

T đang quản lý, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: anh T và chị Đ đều trình bày thống nhất số vàng cưới tổng cộng là 13 chỉ vàng 24K (vàng 9999) và 03 chỉ vàng 18K và đã bán 05 chỉ vàng 24K để tiêu xài, sinh hoạt trong thời gian còn chung sống; anh T cũng thừa nhận anh là người quản lý số vàng còn lại là 08 chỉ vàng 24K (vàng 9999) và 03 chỉ vàng 18k nhưng anh cho rằng trong thời gian chị Đ sinh con ở Bệnh viện Nhi Đồng tại Thành phố Hồ Chí Minh thì anh đã bán hết số vàng trên để chi trả cho tất cả các chi phí cho con nhưng chị Đ không thừa nhận mà cho rằng chi phí sinh con là không lớn vì tiền viện phí và tiền thuốc cho cháu Ly là được miễn mặt khác gia đình hai bên ai cũng bỏ tiền và công ra để giúp đỡ phụ tiếp cho vợ chồng chị. Xét trình bày của chị Đ là có cơ sở vì phù hợp với thực tế; Tại phiên tòa anh T cho rằng đã chi tiêu số tiền trên 40.000.000 đồng nhưng xét thấy việc đi lại thăm con anh chỉ khoảng 10 lần nên lời trình bày của anh là chưa phù hợp; ngoài ra anh T cũng không có gì để chứng minh việc anh đã bán toàn bộ số vàng còn lại mà anh đang quản lý để chi trả cho chi phí sinh con ở Bệnh viện Nhi Đồng tại Thành phố Hồ Chí Minh; mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 02/11/2016, tức sau khi chị Đ sinh con tại Bệnh viện Nhi Đồng và sau thời điểm chị Đ, anh T ly thân một thời gian, anh T cũng thừa nhận số vàng trên vẫn còn, do anh đang giữ (quản lý) và đồng ý chia đôi với chị Đ, nhưng sau đó do chị Đ có yêu cầu bổ sung yêu cầu chia trị giá tủ áo và số tiền bán heo thì anh T thay đổi lời khai cho rằng số vàng này đã không còn nữa; do đó lời khai của anh T là mâu thuẫn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định số vàng cưới còn lại là 08 chỉ vàng 24k và 03 chỉ vàng 18k vẫn còn và do anh T quản lý là có thật, nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Đ và sửa án sơ thẩm về phần này.

Do sửa bản án sơ thẩm nên chị Ngô Ngọc Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị Đ và anh T mỗi người phải chịu án phí sơ thẩm đối với số vàng được chia như nhận định trên.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề xuất hướng giải quyết là sửa một phần bản án sơ thẩm. Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, Điều 148 và khoản 3 Điều 284, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của UBTUQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Ngọc Đ và anh Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Chị Ngô Ngọc Đ được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Ngọc H, sinh ngày 01/11/2015. Anh Nguyễn Minh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng bằng ½ mức lương cơ sở, tại thời điểm thi hành án. Thời gian cấp dưỡng được tính từ tháng 7/2017 cho đến khi con chung trưởng T đủ 18 tuổi và tự lao động sinh sống được.

Anh Nguyễn Minh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Chấp nhận kháng cáo của chị Ngô Ngọc Đ.

Sửa một phần bản án sơ thẩm số 38/2017/HNGĐ – ST ngày 14/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của chị Ngô Ngọc Đ đối với số tiền bán heo là 32.500.000 đồng và ½ giá trị cái tủ áo.

- Về tài sản chung:

+ Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Ngọc Đ về việc yêu cầu anh Nguyễn Minh T chia cho chị ½ số vàng cưới là 04 chỉ vàng 24K (vàng 9999) và 1,5 chỉ vàng 18K.

+ Buộc anh Nguyễn Minh T có trách nhiệm giao cho chị Ngô Ngọc Đ 04 chỉ vàng 24K (vàng 9999) và 1,5 chỉ vàng 18K (trả bằng hiện vật hoặc bằng tiền tương đương giá trị tại thời điểm thi hành án)

+ Anh Nguyễn Minh T được tiếp tục sở hữu 04 chỉ vàng 24K (vàng 9999) và 1,5 chỉ vàng 18K mà anh đang quản lý.

+ Công nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Minh T về việc chịu ½ chi phí tái khám, tiền tàu xe (tại bệnh viện Nhi đồng Thành phố Hồ Chí Minh) tiền mua sữa cho con chung tên Nguyễn Ngọc H là 13.722.000 đồng (mười ba triệu bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành, theo lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về nợ: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Chị Ngô Ngọc Đ phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình và 1.118.500 đồng án phí sơ thẩm về chia tài sản chung, nhưng được khấu trừ vào tổng cộng 1.716.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp (theo biên lai thu số 11494 ngày 13/10/2016, là 1.256.000đ và theo biên lai thu số 08823 ngày 15/11/2016 là 460.000đ) của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Đ được nhận lại 297.500 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Minh T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con và 1.224.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung. Tổng cộng anh T phải nộp là 1.524.500 đồng.

- Về án phí phúc thẩm: Chị Ngô Ngọc Đ không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm. Chị Ngô Ngọc Đ được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 16575 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều

6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Đương sự
- Lưu: VT,HSVA,TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)
Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thuỷ